CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Cơ điện Công trình

Ngày 31/12/2025	10,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**0%**

DT thuần
Q4/25
0.60
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.16| 36.5%
YoY: ▼0.98| -62.0%

LN thuần
Q4/25
0.74
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.02| 365%
YoY: ▲ 0.93| 490%

LN sau thuế
Q4/25
0.74
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.02| 365%
YoY: ▲ 0.93| 490%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
11.6%
YoY: +/-▲ 34.1%

ROE
2025
0.1%
YoY: +/-▲ 0.6%

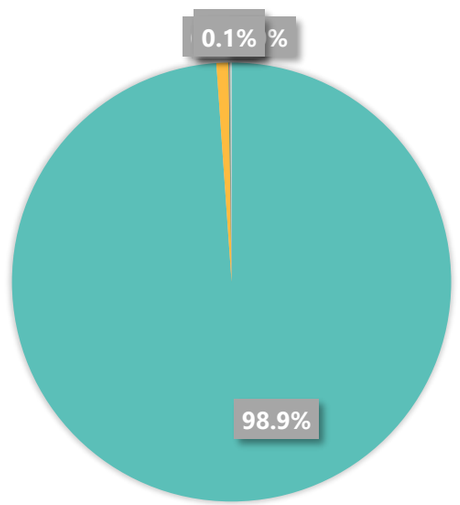
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	10,000 - 10,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	186
Số lượng CPLH (CP)	18,600,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	-
EPS	13
P/E	786.6

DT thuần
2025
2.03
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.34| -39.7%

LN thuần
2025
0.21
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.21| 121%

LN sau thuế
2025
0.24
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.00| 131%

Cơ cấu cổ đông



UBND Thành phố Hà Nội
Nguyễn Duy Hưng
Nguyễn Trung Thành
Nguyễn Thị Hồng Nhung
Nguyễn Kim Cương
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

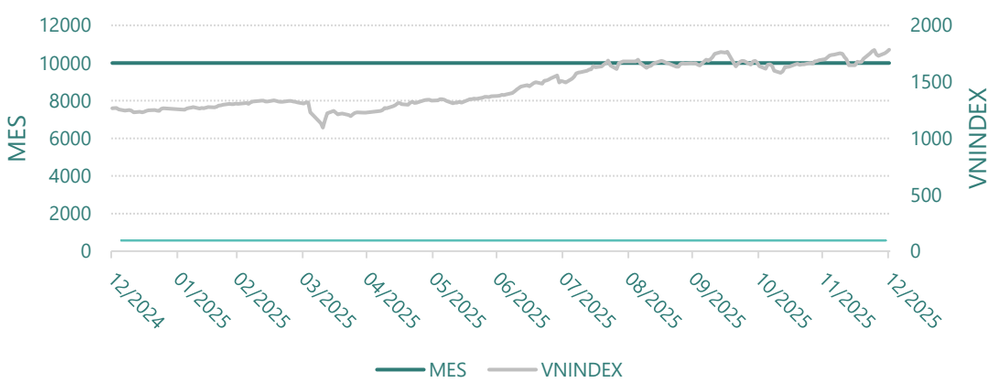
Cơ cấu sở hữu



Sở hữu nước ngoài
Sở hữu nhà nước
Sở hữu khác

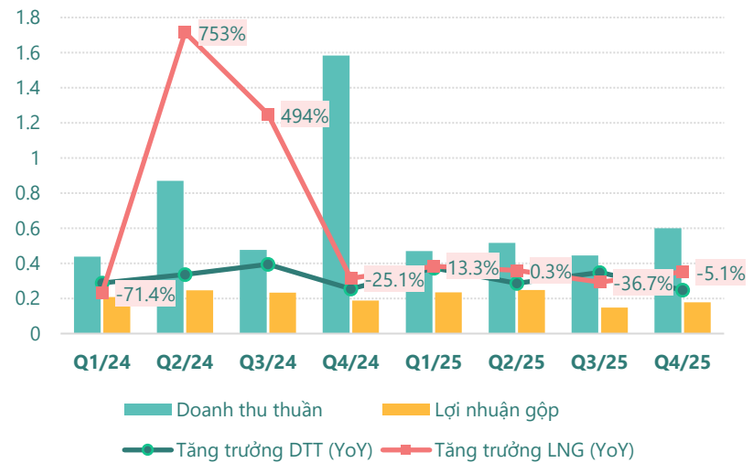
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



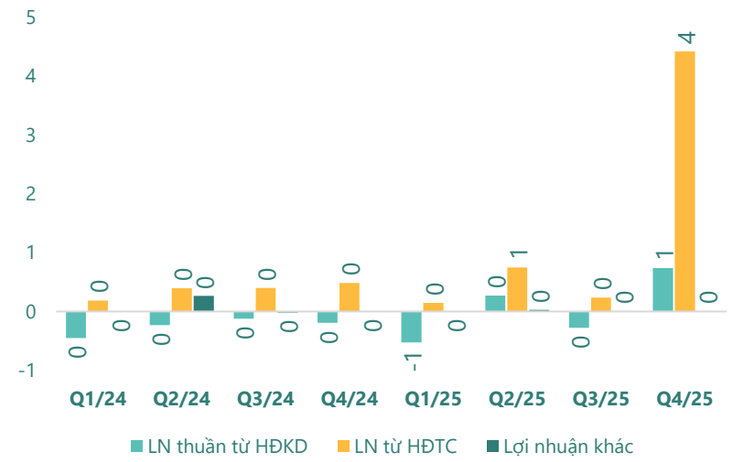
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



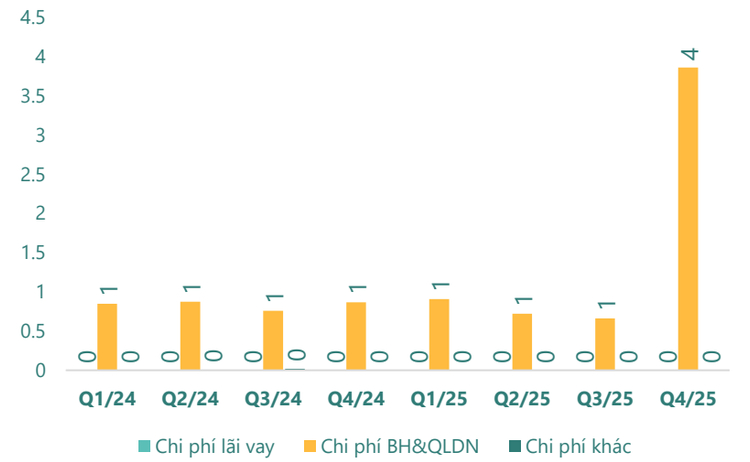
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



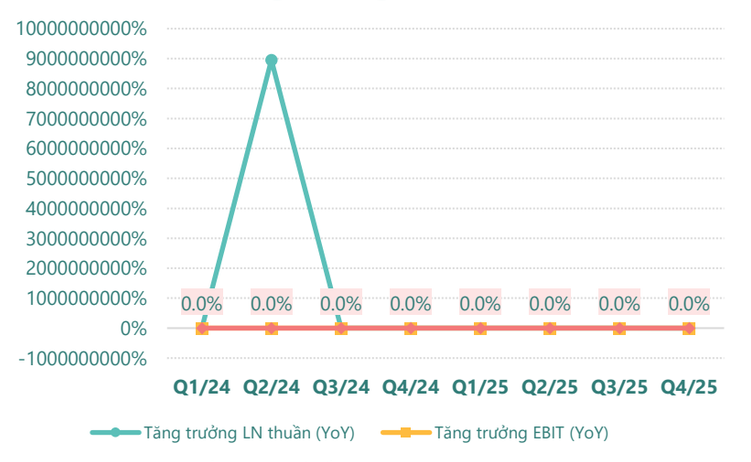
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



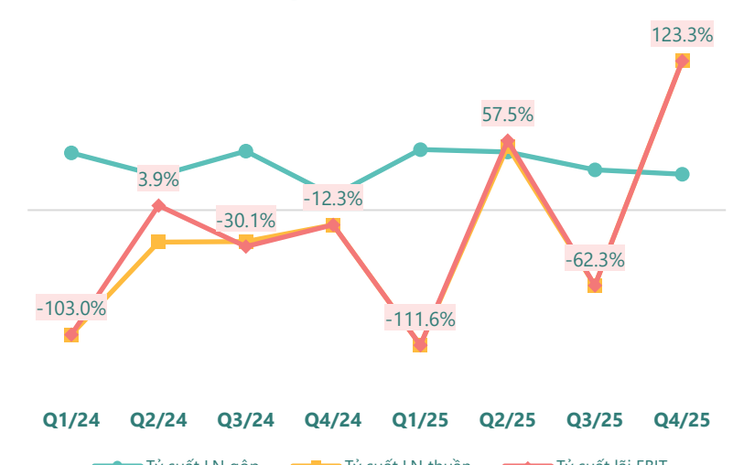
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



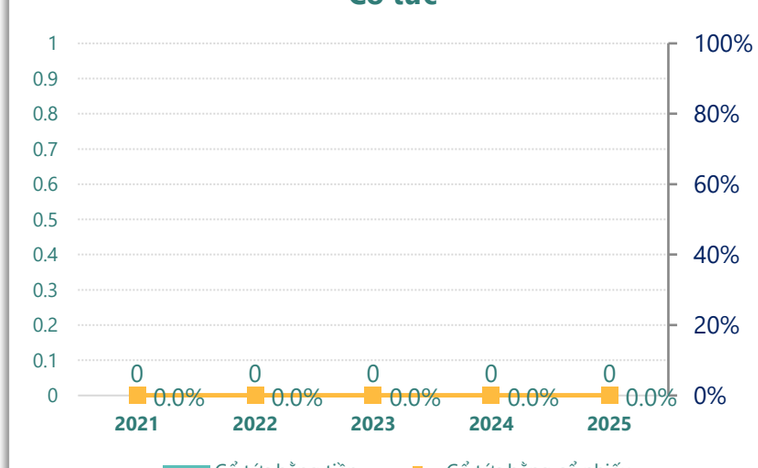
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

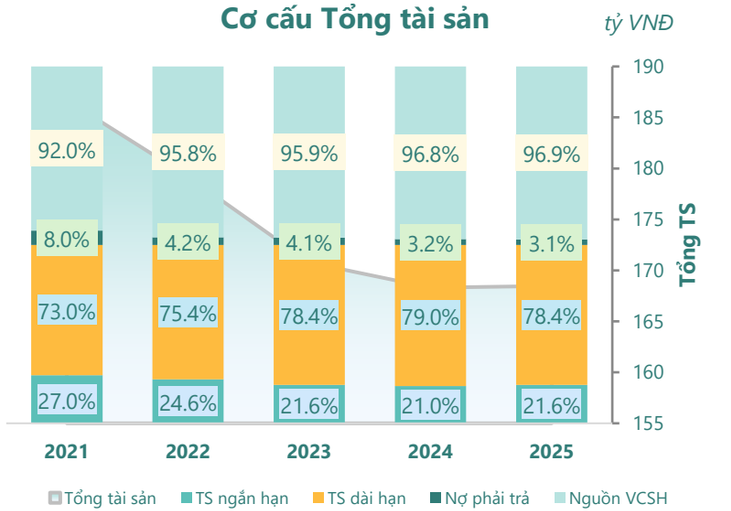
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

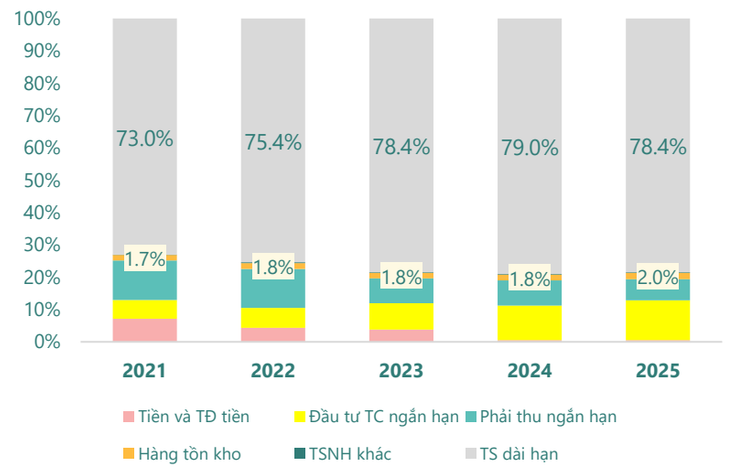
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



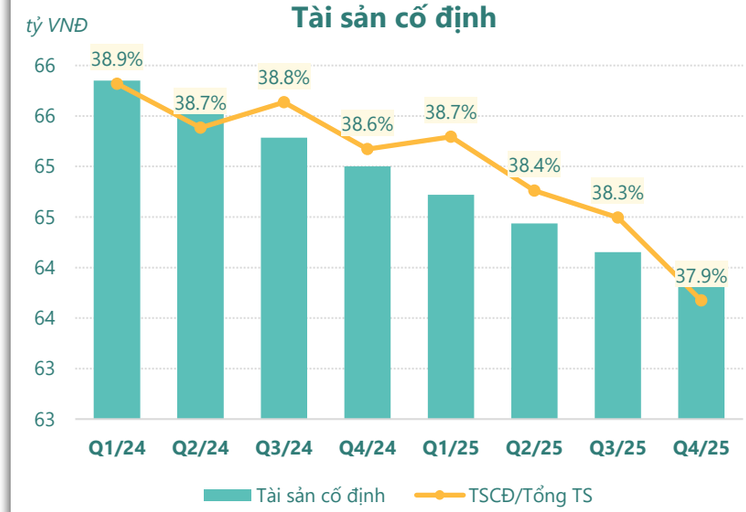
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



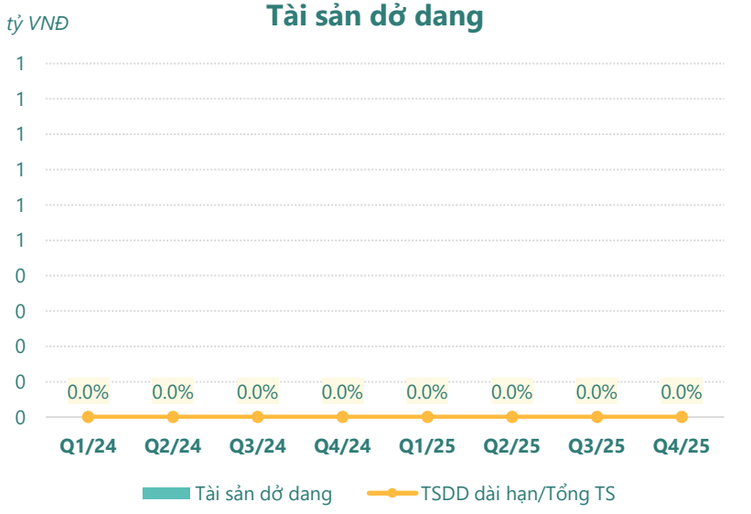
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



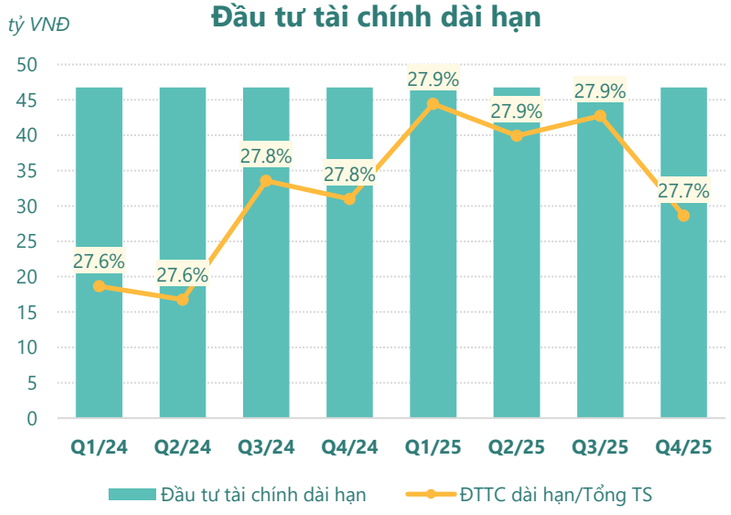
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



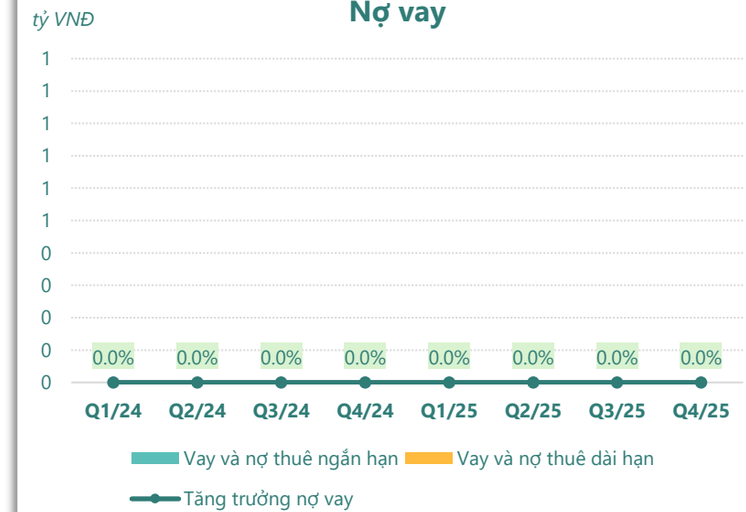
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

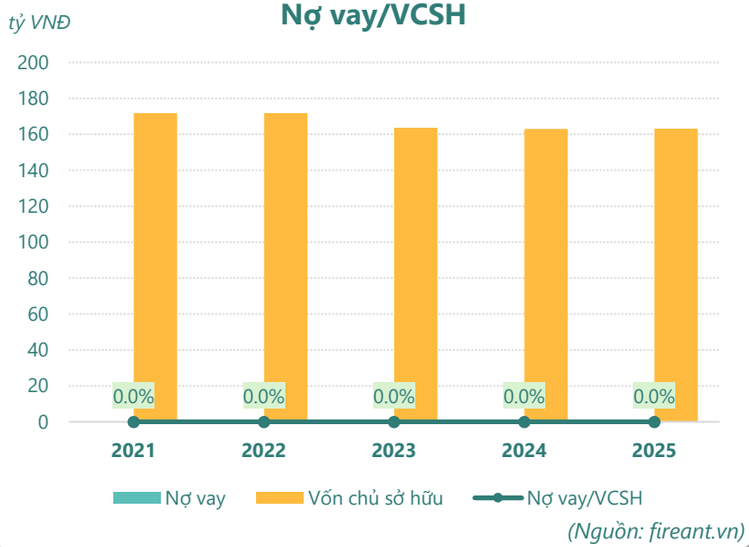
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

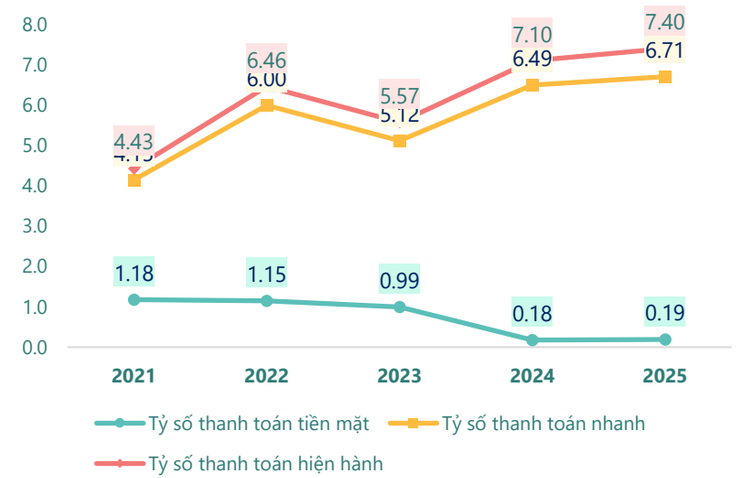
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



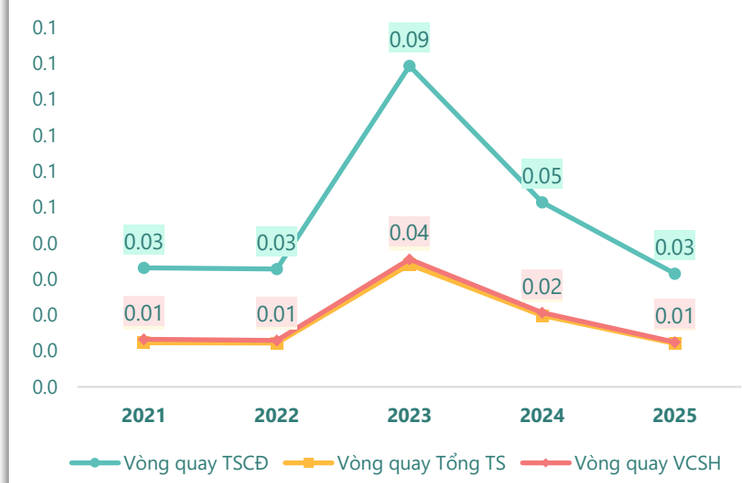
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



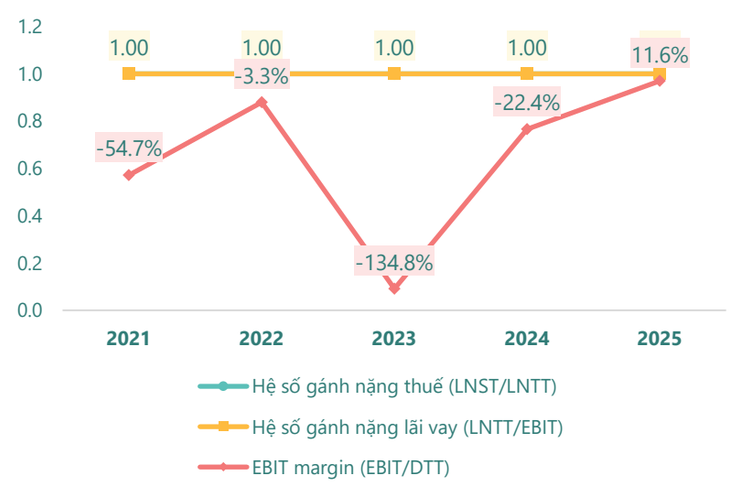
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



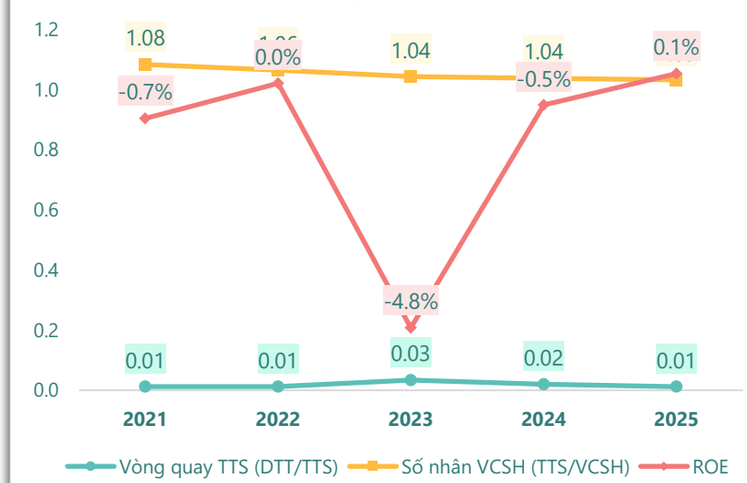
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



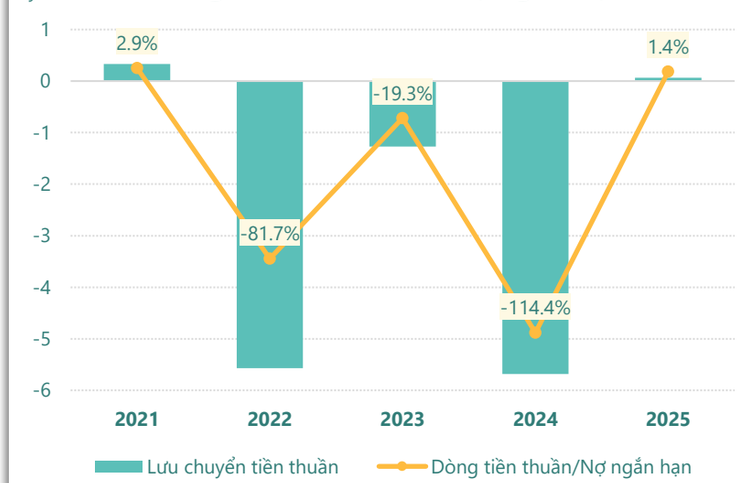
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0.60**	**1.58**	**-62.0%**	**2.03**	**3.37**	**-39.7%**
Giá vốn hàng bán	0.42	1.39	-69.7%	1.22	2.49	-51.0%
Lợi nhuận gộp	0.18	0.19	-5.9%	0.81	0.88	-7.6%
Doanh thu HĐTC	4.42	0.49	803%	5.56	1.47	278%
Chi phí TC	0	0.00		0	0.00	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.14	0.05	187%	0.40	0.22	78.6%
Chi phí QLDN	**3.72**	**0.82**	**353%**	**5.76**	**3.13**	**84.2%**
LN thuần từ HĐKD	0.74	-0.19	490%	0.21	-1.00	121%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.00**		**0.02**	**0.24**	**-89.8%**
LN trước thuế	0.74	-0.19	490%	0.24	-0.76	131%
Lợi nhuận sau thuế	**0.74**	**-0.19**	**490%**	**0.24**	**-0.76**	**131%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.74**	**-0.19**	**490%**	**0.24**	**-0.76**	**131%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.89	-0.70	-0.17	-0.91	0.69	-2.49
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	5.38	-0.16	-0.05	1.67	-0.82	2.14
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	2.65	1.73	0.87	0.66	1.42	1.30
Lưu chuyển tiền thuần	**3.49**	**-0.86**	**-0.21**	**0.76**	**-0.12**	**-0.35**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0.00	0.00	0
Tiền cuối kỳ	1.73	0.87	0.66	1.42	1.30	0.94

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**168**	**168**	**0.1%**
Tài sản ngắn hạn	36.4	35.3	3.1%
Tiền và tương đương tiền	0.94	0.87	7.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.6	18.1	14.3%
Phải thu ngắn hạn	11.0	13.0	-15.8%
Hàng tồn kho	3.43	3.00	14.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.36	0.29	22.2%
Tài sản dài hạn	**132**	**133**	**-0.7%**
Phải thu dài hạn	21.5	21.3	0.8%
Tài sản cố định	63.9	65.0	-1.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	46.7	46.7	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5.27	5.33	-1.2%
Nợ ngắn hạn	**4.91**	**4.97**	**-1.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.87	3.02	-4.8%
Nợ dài hạn	0.36	0.36	-1.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**163**	**163**	**0.1%**
Vốn chủ sở hữu	**163**	**163**	**0.1%**
Vốn điều lệ	186	186	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)